TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 12 - 2024
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Phong
2. Ông Lê Mộng Linh
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1983; địa chỉ: 42/4 ấp A, xã AT, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1977; địa chỉ: 42/4 ấp A, xã AT, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng H trình bày:

Vào năm 2008 chị H và anh Nguyễn Trung T cưới nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã M, huyện T, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/6/2008, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian sống chung có 02 con chung là: Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/4/2009 và Nguyễn Ngọc G sinh ngày 11/02/2011. Hiện 02 con chung đang sống với chị H.

Nguyên nhân chị H yêu cầu ly hôn với anh T là do: Trước đây, do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên anh T đi giữ tôm thuê cho người khác. Lúc đầu thì thỉnh thoảng 10, 15 ngày anh T có về thăm chị H và các con và có mang tiền về để phụ

lo cho gia đình nhưng sau đó thì anh đi suốt ba, bốn tháng mới về nhà nhưng không có đưa tiền cho chị H để chung lo cuộc sống gia đình cũng như lo cho các con ăn học. Mỗi lần về nhà thì anh T thường xuyên gây chuyện cự cãi, chửi bới chị H. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc giữa chị và anh T kéo dài từ hơn 6 năm nay; đã từ lâu chị và anh T không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị và anh T không thể tiếp tục cuộc sống chung. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

- Về con chung: chị H yêu cầu được T tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/4/2009 và Nguyễn Ngọc G sinh ngày 11/02/2011, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: chị H trình bày tài sản chung có ngôi nhà tình thương và vật dụng trong nhà nhưng chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: chị H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo nội dung bản khai ngày 29/10/2024, bị đơn ông Nguyễn Trung T Trình bày:

Sau khi nhận được thông báo của Tòa thì anh T có ý kiến. Về hôn nhân: vì anh T còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung chị H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung thì anh T đồng ý, anh T không cấp dưỡng. Về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết. Hiện anh T không đồng ý ly hôn cho anh T về nhà hàn gắn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị H cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Hồng H, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trung T nên đây là tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Trung T cư trú tại xã AT, huyện T, tỉnh B, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân

sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện T, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17/6/2008. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị H cho rằng cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc giữa chị H và anh T kéo dài từ hơn 6 năm nay. Đã từ lâu chị H và anh T không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị H và anh T không thể tiếp tục cuộc sống chung.

Đối với anh T có bản tự khai trình bày không đồng ý ly hôn cho anh T về nhà hàn gắn nhưng khi được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử. Từ đó cho thấy anh T không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng chị H.

Cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T cho thấy nội dung mà chị H đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[4] Về con chung: cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/4/2009 và Nguyễn Ngọc G sinh ngày 11/02/2011 hiện đang sống cùng chị H và chị H yêu cầu được T tiếp nuôi dưỡng các con chung, anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy chị H có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy cháu H và cháu G để con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần và 02 con chung cũng có nguyện vọng sống cùng chị H. Vì vậy giao 02 con chung cho chị H T tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh T cùng trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị H và anh T được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[6] Về nợ chung: Chị H và anh T cùng trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Hồng H. Chị Huỳnh Thị Hồng H được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: chị H được T tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/4/2009 và Nguyễn Ngọc G sinh ngày 11/02/2011 (theo nguyện vọng của cháu H và cháu G) và ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T cùng trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh T cùng trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, do đó không xem xét giải quyết.

Chị H và anh T được quyền khởi kiện yêu cầu về việc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003587 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Mỹ An;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung